

**SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /CV-BV

Hà Giang, ngày tháng 5 năm 2025

*V/v mời tham gia: Tư vấn lập
HSMT, đánh giá HSDT và Tư vấn
thẩm định HSMT, thẩm định kết
quả LCNT gói thầu mua sắm thiết
bị y tế, y cụ dụng cụ phục vụ công
tác chuyên môn của Bệnh viện Phổi
Hà Giang năm 2025*

Kính gửi: Các công ty, đơn vị có chức năng Tư vấn lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá Hồ sơ dự thầu và Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế, y cụ dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện Phổi Hà Giang năm 2025.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/2/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-SYT ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ - BV ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt chủ trương thực hiện mua sắm thiết bị y tế, y cụ dụng cụ năm 2025 phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện Phổi.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ

mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán mua sắm thiết bị y tế năm 2025 phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Phổi (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng dự toán gói thầu mua sắm thiết bị y tế, y cụ dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện Phổi Hà Giang năm 2025 là **200.480.000 đ** (Số tiền bằng chữ: Hai trăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

STT	Nội dung công việc	Khối lượng
01	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu thuộc dự toán mua sắm thiết bị y tế, y cụ dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện Phổi Hà Giang năm 2025	01 gói
02	Thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán mua sắm thiết bị y tế, y cụ dụng cụ phục vụ công tác chuyên môn của Bệnh viện Phổi Hà Giang năm 2025	01 gói

Khi nhận được thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Bệnh viện Phổi Hà Giang Tổ 3, phường Minh Khai - TP Hà Giang - Tỉnh Hà Giang trước 17h00 ngày 21/ 5 /2025 để tổ chức lựa chọn tư vấn theo quy định. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
- Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:
 - + Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - + Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).
 - + Một số thông tin khác có liên quan.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website Bệnh viện;
- Lưu: VT; KD; TCKT; HS mua sắm.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Minh Đức

DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ, Y CỤ DỤNG CỤ

(Kèm theo Công văn số /CV-BV ngày tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang)

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói và các tiêu chuẩn	ĐV tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
1	Máy khí dung	Tốc độ phun: 0.4 ml/min. (NaCl 0.9%) Kích thước hạt: 63%<5µm 2.83 µm (MMAD) Tốc độ phun tối đa: 15 l/min. Tốc độ phun thường: 5.31 l/min. Độ ồn thường: 52 dBA Nguồn điện: 230V 50 Hz AC Chiều dài dây nguồn: 1.6 m Dung tích cốc thuốc: min.2ml;max.8ml Dung tích dao động: 0.8 ml Giới hạn hoạt động: 30 phút hoạt động/30 phút ngừng Điều kiện hoạt động: 10 - 40 °C / 50 - 104 °F 30 - 85 % độ ẩm tương đối 700 - 1060 hPa Áp suất môi trường Điều kiện bảo quản và vận chuyển: -20 - +60° C / -4 - +140 °F 10 - 95 % độ ẩm tương đối 700 - 1060 hPa Áp suất môi trường Trọng Lượng: 1300 g Kích thước: 103 x160 x140(mm) Phân Loại IP Class: IP21 CÁC PHỤ KIỆN KÈM THEO - Mặt nạ cho người lớn - Mặt nạ cho trẻ em - Ống xông họng - Càng xông mũi - Cốc thuốc nối vào máy - Ống nối - Cốc thuốc cắm bên	Cái	4	1.150.000	4.600.000

2	Tủ đầu giường nhựa	1. Cấu hình đồng bộ: Tủ đầu giường nhựa. Cấu hình đồng bộ: - Tủ: Cố định - Giá treo khăn: 02 Cái - Ngăn kéo: 01 Cái - Khay kéo: 01 Cái - Cửa tủ: 01 Cái - Bánh xe: 04 Cái 2. Đặc tính kỹ thuật: a. Kích thước (mm):- Kích thước cánh: D490 x R480 x C765 $\pm 3\%$ b. Kết cấu chung: ★ Toàn bộ sử dụng chất liệu nhựa ABS bằng kỹ thuật đúc phun, bề mặt dễ vệ sinh, lau chùi, chống phai màu, chống ăn mòn axit; ★ Tổng cộng có ba tầng: tầng trên cùng có một tấm đa năng; tầng thứ hai là một ngăn kéo, kéo dễ dàng, không ồn; Tầng cuối cùng là một tủ chứa đồ dung tích lớn, có một lớp ngăn có thể thay đổi, không gian lưu trữ lớn, tủ có một vị trí đặt ấm đun, dễ sử dụng; ★ Bên trái và bên phải tủ có giá treo khăn và treo túi rác nằm ẩn, vừa đẹp mắt, vừa tiết kiệm không gian; c. Vật liệu:- Toàn bộ bằng nhựa ABS	cái	30	1.500.000	45.000.000
3	Xe đẩy bệnh nhân	1. Cấu hình đồng bộ: - Xe chính: 01 cái- Bánh xe lớn: 02 cái- Bánh xe nhỏ: 02 cái- Đệm ngồi, tựa lưng: 01 bộ- Phanh: 02 cái- Đỡ chân: 02 cái - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ 2. Đặc tính kỹ thuật: a. Kích thước (mm): + Chiều dài (mm): Lớn nhất 1100, nhỏ nhất 950 $\pm 5\%$ + Chiều rộng (mm):	Cái	1	4.190.000	4.190.000

		Lớn nhất 700, nhỏ nhất 600 $\pm 5\%$ + Chiều cao (mm): Lớn nhất 950, nhỏ nhất 850 $\pm 5\%$ b. Kết cấu chung:- Tính năng kỹ thuật và kết cấu: + Có 2 tay đẩy, xe có thể gấp gọn khi không sử dụng + 2 bánh lớn chịu tải, 2 bánh nhỏ dẫn hướng. + Cơ cấu phanh nhẹ và hãm phải đứng yên khi có tải. + Gấp vào mở ra thuận tiện, chuyển hướng dễ dàng + Toàn bộ phần inox được điện hóa sáng đều đạt độ sáng bóng. - Tải trọng: 90 Kg c. Vật liệu:- Khung và các tay đỡ: Inox SUS304 + Khung chính bằng inox ống f22 x 1mm. + Thanh chống chịu lực bằng inox ống f25,4 x 1,2mm. + Thanh đỡ chân bằng inox ống f19mm. + ốp sườn bằng inox tấm 0,4mm được gấp ép mép làm mất ba vìa cạnh sắc và tăng cứng cho chi tiết. + Bạc đỡ bằng inox f31.8mm; inox đặc f16; inox đặc f12 - Tựa lưng và đệm ngồi: Vải giả da.- Đỡ bàn chân: Nhôm đúc hoặc nhựa. - Bánh xe: Cao su đặc.Các trục bánh xe, trục quay, may ơ, vành bánh xe, vòng lăn : thép mạ X1-0304				
4	Bình cách thủy 37 độ	– Thể tích: 37.5 lít – Mục chất lỏng tối thiểu: 20 mm – Mục chất lỏng tối đa: 114 mm – Kích thước trong: rộng 602 x cao 150 x sâu 482 mm – Kích thước ngoài: rộng 868 x cao 375 x sâu 554 mm – Cảm biến nhiệt: cảm biến nhiệt kỹ thuật số được gắn bên ngoài thành bể – Nhiệt độ cài đặt: °C/°F– Khoảng nhiệt độ hoạt động: ít nhất 5oC trên nhiệt độ môi trường đến 100oC (tùy thuộc vào áp suất môi trường) – Khoảng nhiệt độ cài đặt: +10 đến 100oC	Cái	1	53.000.000	53.000.000

		– Độ cài đặt: 0.1oC – Hiệu chuẩn: hiệu chuẩn 2 điểm – Bộ điều khiển: màn hình màu cảm ứng 3.5 inch – Bộ điều khiển: hiển thị nhiệt độ cài đặt và nhiệt độ thực kỹ thuật số và chương trình thời gian còn lại – Kiểm soát nhiệt: + Hệ thống an toàn 2 cấp để chống quá nhiệt + Cảnh báo quá nhiệt bằng âm thanh và hình ảnh, được điều chỉnh độc lập + Bộ giới hạn nhiệt độ sẽ ngắt chế độ gia nhiệt trong trường hợp bể có sự cố – Bộ điều khiển nhiệt bằng vi xử lý PID có tích hợp hệ thống chẩn đoán báo lỗi – Gia nhiệt: bề mặt gia nhiệt lớn chống ăn mòn nằm bên ngoài bể – Hệ thống xả nước cải tiến, dễ dàng xả hết nước trong bể – Bộ điều khiển thời gian kỹ thuật số từ 1 phút đến 99 giờ 59 phút, hiển thị bằng hình ảnh và âm thanh khi kết thúc – Lòng bể sâu bằng thép không gỉ (thép không gỉ W. St. 1-4301), không có góc cạnh cho vệ sinh dễ dàng, bao gồm ống xả nước ngay giữa bể (không ảnh hưởng khi lắp đặt) – Bên ngoài bể bằng thép không gỉ – Điều kiện lắp đặt: các lỗ thoát hơi ở mặt trái và mặt sau phải không bị cản trở. Khoảng cách tường tối thiểu hai mặt bên của bể tối thiểu 100 mm và phía sau tối thiểu 150mm. Khoảng cách tối thiểu từ đỉnh của bể đến trần nhà là 750 mm – Nhiệt độ môi trường: 5 – 40oC – Độ ẩm tối đa: 80% rh, không ngưng tụ – Nguồn điện: 230 V, 50/60 Hz– Công suất: khoảng 2800 W – Các bể được chứng nhận an toàn và mang dấu hiệu kiểm tra: CE, EAC				
--	--	--	--	--	--	--

		Phụ kiện kèm theo+ Nắp tháp bằng thép không gỉ+ Nắp bằng bằng thép không gỉ với các lỗ và bộ vòng đồng tâm (6 lỗ/Ø 107 mm), code: B48806WTB35				
5	Cân tiểu ly	1.TÍNH NĂNG CÂN ĐIỆN TỬ – Mức cân : 3kg – Giá trị độ chia kiểm: 0.1g – Kích thước đĩa : 290 x 230 (mm) – Kích thước cân : 270 x 310 x 100 (mm) – Màn hình hiển thị LED 6 số đỏ dễ đọc ở mọi góc nhìn – Chức năng tự kiểm tra pin, báo pin sắp hết 2.CÁC TÍNH NĂNG TỔNG QUÁT– Khung cân nhựa ABS màu xám, đĩa cân inox chống ăn mòn. – Chân đế có thể di chuyển mọi địa hình, thiết kế vững chắc – Sử dụng trong ngành sản xuất, chế tạo, vận chuyển, văn phòng – Chính xác cao (độ phân giải bên trong) (1/30.000,1/60.000) – Màn hình hiển thị LCD nền sáng xanh dễ đọc. – Chức năng tự kiểm tra pin. Tự động sáng đèn , tự động tắt nguồn. – Cổng giao tiếp RS-232(Lựa chọn). – Màn hình hiển thị bằng trực đứng, phím chuyển đổi đơn vị kg/lb/Pcs/g – Thiết bị đạt độ chính xác cấp III theo tiêu chuẩn OIML – Thiết kế chống bụi, cũng như sự ảnh hưởng của môi trường. – Chức năng: Cân kiểm tra trọng lượng, trừ bì, đếm Pcs,cộng dồn, cảnh báo Hi Lo Ok.. – Nguồn : 220v/50Hz kèm theo pin sạc 6v/4.5ah	Cái	1	5.500.000	5.500.000
6	Xe tiêm INOX 3 tầng có ngăn kéo	1. Cấu hình đồng bộ: - Bàn chính: 01 cái	Cái	2	4.550.000	9.100.000

		- Ngăn kéo: 02 cái - Bánh xe: 01 bộ 2. Đặc tính kỹ thuật: a. Kích thước (mm): (DxRx C) 840x540x1150mm ±3% b. Kết cấu chung: - Kích thước khay: dài, rộng, sâu (815x515x18) mm. - Bàn có 3 tầng khay, các tầng đều có thanh lan can inox ống 3 phía cao 50±5mm (trống phía trước) - Khay bằng inox tấm được dập liền tấm trên máy thủy lực, bốn góc khay trơn, nhẵn, không có khe, kẽ, được bo tròn, dễ vệ sinh, tiệt trùng; khay được hàn liền với khung xe chắc chắn. Chân khay được xử lý ép mép vừa làm tăng cứng vững cho sản phẩm vừa khử ba vĩa cạnh sắc. - Bàn có 02 ngăn kéo có tay nắm ở dưới khay trên cùng, ngăn kéo đóng mở nhẹ nhàng chắc chắn bởi thanh ray bi kép chịu lực. - Có 4 bánh xe chuyển hướng Ø100 mm, trong đó có 2 bánh có phanh. - Toàn bộ bề mặt inox được xử lý bề mặt đạt độ sáng bóng. c. Vật liệu: - Toàn bộ làm bằng inox SUS201. + Khung chính tay đẩy làm bằng inox $\varnothing$ 25.4 mm + Lan can làm bằng inox ống $\varnothing$ 12,7mm + Đố ngăn kéo bằng inox hộp 20x20mm + Mặt bàn làm bằng inox tấm dập liền. + Ngăn kéo và các tấm bụng làm bằng inox tấm. + Ray bi kép thép mạ hoặc sơn tĩnh điện + Bánh xe cao su Ø100d. Yêu cầu khác: - Sản phẩm mới 100%.				
7	Nhiệt kế tự ghi	Khoảng đo nhiệt độ âm 40 độ C - 85 độ C Độ chính xác nhiệt độ ± 0.5 độ C;	Cái	1	2.100.000	2.100.000

		Độ chính xác độ ẩm± 3% Khoảng độ ẩm10 - 99% Dung lượng bộ nhớ16.000 bản ghi Màn hình hiển thịLCD 2.8 inch; Loại Pin1 pin AA; Kích thước6cm x 12cm x 2cm (Rộng x Cao x Sâu) Elitech GSP-6				
8	Vỏ bình ô xy	K- Áp suất thử / áp suất sử dụng : 250 bar - 150 bar - Đường kính ngoài : 219mm - Val bình : QF-2C - Độ dày : 5.7mm - Màu xanh da trời - Tiêu chuẩn : ISO 9809-3 - Cao : 1450mm - Nặng : 47-50kg - Chất liệu thép : 37mm - Mới 100% Có đầy đủ vô lăng, nắp chụp	Cái	20	2.750.000	55.000.000
9	Tủ đựng dụng cụ (Tủ lưu dụng cụ)	1.Cấu hình đồng bộ - Tủ chính: 01 cái Sàn phẳng: 03 cái - Mô cài đỡ sàn phẳng: 12 cái 2. Đặc tính kỹ thuật:a. Kích thước (mm): (RxSxC) 800x400x1600 ±5% b. Kết cấu chung: -Tủ chia làm hai khoang, có khóa riêng từng khoang: + Khoang trên cao 850mm, có 2 cánh cửa bằng kính trắng dày 5mm khung inox, 2 cánh có khoá chìm trung tâm, phía ngoài cánh kính được viền nẹp vát bằng inox. Được chia thành 3 ngăn bởi 2 sàn bằng inox tấm (có thể tháo rời hoặc lắp vào tủ bằng các tấm cài). Hai hồi inox + Khoang dưới cao 625mm, có 1 sàn inox (có thể tháo rời hoặc lắp vào tủ bằng các tấm cài), 2 cánh cửa inox, có khoá chìm trung tâm, được bao bằng inox	Cái	2	5.500.000	11.000.000

		tám.-Hồi, nóc, hậu, sàn bọc inox tám. -Các cánh đóng mở bằng cơ cấu bản lề chìm làm tăng thẩm mỹ cho sản phẩm và thuận tiện cho việc vệ sinh lau chùi sản phẩm. -4 chân tủ có đệm cao su . -Toàn bộ bề mặt Inox được xử lý đạt độ sáng bóng. c. Vật liệu:-Toàn bộ phần kim loại làm bằng Inox SUS201 + Khung tủ, cánh tủ bằng inox hộp 25x25 mm + Đồ dọc tủ bằng inox hộp 25x50 mm. + Sàn di động bằng inox tám được gấp liền trên máy thủy lực. + Các tấm bọc xung quanh, hồi tủ, đáy tủ, cánh bằng inox tám được gấp liền trên máy thủy lực.Khóa Việt tiếp - Kính trắng dày 5 mm - Chân cao su đúc. T2/0110				
10	Thùng rác trắng 15 lít (KT: 285x255x350)	KT: 285x255x350	Cái	5	210.000	1.050.000
11	Thùng rác xanh 15 lít (KT: 285x255x350)	KT: 285x255x350	Cái	10	210.000	2.100.000
12	Thùng rác xanh 120 lít (KT: 555x515x775)	KT: 555x515x775	Cái	7	550.000	3.850.000
13	Thùng rác xanh bé (KT: 30x40)	KT: 30x40	Cái	6	210.000	1.260.000
14	Thùng rác vàng bé (KT: 30x40)	KT: 30x40	Cái	6	210.000	1.260.000
15	Thùng rác trắng bé (KT: 30x40)	KT: 30x40	Cái	6	210.000	1.260.000
16	Thùng rác đen 15 lít (KT: 285x255x350)	KT: 285x255x350	Cái	1	210.000	210.000
TỔNG CỘNG:						200.480.000

